TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST.
Ngày: 08/3/2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 888/2023/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2024/QĐST-DS, ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 79/5, tổ 20, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hải Thị L**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 132 Trương Định, khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm: 1983.
Bà **Nguyễn Thị Hx**, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Hs**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 79/5, tổ 20, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(L có mặt, ông H, bà Hx, bà Hs vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hải Thị L trình bày:

Ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx là chỗ bạn bè thân thiết lâu năm với nhau. Khoảng tháng 7/2022 ông H, bà Hx có trao đổi cần vay vốn để làm ăn kinh doanh nên muốn vay tiền của ông Đ. Do là chỗ quen biết và cũng thường xuyên cho nhau vay tiền nhiều lần các bên đều thanh toán cho

nhau đúng hạn nên tin tưởng lẫn nhau vì vậy lần này ông Đ đã cho ông H, bà Hx vay thêm 04 lần tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15/07/2022, cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx vay số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng);

Lần 2: Ngày 27/07/2022, ông H và bà Hx vay thêm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 17/08/2022, ông H, bà Hx vay thêm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Lần 4: Tháng 4/2023, ông H cần gấp vốn làm ăn nên nhờ ông Đ vay Ngân hàng 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), ông Đ đã vay mượn bạn bè, người thân để đưa số tiền này cho bị đơn vay. Sau đó, ông Đ làm thủ tục vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai, do thời điểm này việc vay vốn Ngân hàng khó khăn nên ông Đ ghi mục đích vay là kinh doanh, thanh toán tiền mua hàng. Ngày 21/5/2023, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông H với nội dung thanh toán tiền hàng. Như vậy, lần 4 này ông Đ đã đưa cho ông H 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng). Sau khi tiền giải ngân vào tài khoản ông H thì ông H lại rút ra đưa trả lại cho ông Đ số tiền 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) để ông Đ trả lại cho những người ông Đ đã vay.

Như vậy, từ tháng 7/2022 đến tháng 3/2023, ông Đ đã cho ông H, bà Hx vay 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Tháng 4/2023 ông Đ cho bị đơn vay thêm 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng).

Tổng cộng 04 lần ông H, bà Hx vay số tiền 7.600.000.000 đồng (Bảy tỷ sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên, ông H, bà Hx đã trả được 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho ông Đ vào khoảng cuối tháng 8/2023. Như vậy, ông H, bà Hx còn nợ lại ông Đ số tiền 7.500.000.000đ (bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

Lần vay thứ nhất, thứ 2, thứ 3 là tiền cá nhân của ông Đ. Riêng khoản vay lần thứ 4 vào tháng 4/2023 với số tiền 5.000.000.000 đồng là nguyên đơn đi vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai cho vợ chồng ông H, bà Hx vay lại. Khi làm thủ tục vay Ngân hàng xong thì Ngân hàng giải ngân tiền vay trực tiếp vào tài khoản của vợ chồng H, bà Hx với nội dung thanh toán tiền hàng nhưng thực tế là tiền ông Đ cho bị đơn vay không phải mua bán hàng hoá. Vì vậy, tháng 4 năm 2023 bị đơn đã chuyển trả tiền lãi 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với tiền gốc đã vay cho ông Đ.

Các bên thoả thuận bên ông H, bà Hx sẽ trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng là 1%/tháng nhưng số tiền lãi này chuyển qua cho ông Đ để ông Đ trả cho Ngân hàng. Ngoài ra, bị đơn sẽ trả cho ông Đ số tiền lãi là 2%/tháng trên tổng số tiền vay là 7.600.000.000đ (bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).

Như vậy, ông Đ cho ông H, bà Hx vay với lãi suất 2%/tháng, hàng tháng vợ chồng bị đơn phải trả cho ông Đ số tiền 2% x 7.600.000.000đ = 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng). Tuy nhiên, chỉ có hai tháng là tháng 4 và tháng 5 năm 2023 là vợ chồng H, bà Hx chuyển cho ông Đ được 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Tháng 5/2023, thanh toán được 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Còn lại các tháng bị đơn thanh toán 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền lãi. Do làm ăn khó khăn và chỗ thân quen nên ông Đ cũng giảm lãi, không đòi hỏi trả đủ như thoả thuận.

Hai bên thoả thuận miệng với nhau là thời hạn vay các khoản tiền trên đến hết tháng 7 năm 2023 bên ông H, bà Hx sẽ thanh toán hết tiền gốc và lãi cho ông Đ. Tuy nhiên, từ tháng 8 năm 2023 đến nay, ông H và bà Hx không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho nguyên đơn.

Ông Đ đã nhiều lần chủ động liên hệ với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx để yêu cầu thanh toán số nợ nói trên. Tuy nhiên, ông H và bà Hx đã hứa hẹn lần này sang lần khác và hẹn đầu tháng 10/2023 sẽ trả hết nợ cho ông Đ nhưng tới nay không chịu trả nợ. Sau này, ông H và bà Hx đã cắt đứt liên lạc với ông Đ.

Như vậy tính từ tháng 7 năm 2022 đến tháng tháng 8/2023 ông H, bà Hx đã trả được số tiền lãi cho ông Đ là 1.550.000.000đ và 100.000.000đ tiền gốc.

Vì vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx thanh toán cho ông Trần Văn Đ số tiền nợ gốc là 7.500.000.000đ; Buộc ông H, bà Hx phải thanh toán cho ông Đ số tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật là 20%/năm (1,67%/tháng) tính từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 08/3/2024 (làm tròn 05 tháng) là: 7.500.000.000đ x 1,67% x 05 tháng = 626.250.000đ.

Tổng cộng bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Đ tổng số tiền là 8.126.250.000đ. Ngoài ra, ông Trần Văn Đ đã nộp số tiền 10.000.000đ để thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự đối với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx.Vì vậy, ông H, bà Hx phải có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền này.

Đối với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H, bà Hx vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2023 người làm chứng bà Nguyễn Thị Hs trình bày: Bà biết rõ sự việc vay tiền giữa ông Đ và ông H, bà Hx vì bà là vợ ông Đ. Ông Đ, ông H, bà Hx là chỗ quen biết bạn bè rất thân với nhau. Trước đó nhiều lần ông Đ cũng thường cho ông H, bà Hx vay tiền nhiều lần nhưng do là chỗ bạn bè thân thiết nên không lần nào làm giấy tờ vay và lần vay cuối cùng này cũng vậy. Tuy nhiên, những lần vay trước ông H, bà Hx vay số tiền ít hơn nên có trả nợ đầy đủ.

Bà có biết sự việc ông Đ đi vay số tiền 7.600.000.000đ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai để cho ông H, bà Hx vay lại. Ông Đ đã chuyển toàn bộ số tiền 7.600.000.000đ cho ông H, bà Hx và hàng tháng ông H, bà Hx có chuyển trả tiền lãi suất cho ông Đ vào số tài khoản của bà. Ông H, bà Hx đã chuyển tiền lãi suất vào số tài khoản của bà tất cả 09 lần cụ thể là lúc 09 giờ 44 phút, ngày 24/8/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 09 giờ 44 phút ngày 22/9/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 09 giờ 58 phút, ngày 21/11/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 12 giờ 19 phút, ngày 20/12/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 18 giờ 42 phút, ngày 21/4/2023 số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng);Lúc 17 giờ 06 phút, ngày 21/5/2023 số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai

mươi lăm triệu đồng); Lúc 09 giờ 14 phút, ngày 22/6/2023 số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Lúc 17 giờ 33 phút, ngày 20/7/2023 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 14 giờ 02 phút, ngày 21/8/2022 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền là 1.550.000.000đ. Ngoài ra bà không nhận được bất kỳ khoản tiền nào khác từ ông H, bà Hx. Nhiều lần bà và ông Đ đã tìm đến nhà ở của ông H, bà Hx nhưng không gặp, bà và ông Đ cũng đã tìm mọi biện pháp để liên lạc với ông H, bà Hx nhưng không liên lạc được, ông H, bà Hx đã cố tình trốn tránh không gặp mặt bà và ông Đ.

Kể từ ngày ông H, bà Hx lừa gạt rồi trốn tránh không gặp, không trả nợ cộng với việc hàng tháng ông bà phải chạy vay mượn tiền khắp nơi để trả tiền lãi cho Ngân hàng Quân Đội cho số tiền mà ông H, bà Hx đã vay lại thì ông Đ đã suy sụp tinh thần, có nhiều khi ông Đ đã nghĩ quẫn. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét vụ án một cách toàn diện, công tâm để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ và bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hx phải thanh toán là: Thanh toán tiền nợ gốc 7.500.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến 01/11/2023 là 3 tháng x 1,67%/tháng x 7.500.000.000 đồng = 375.750.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 7.875.750.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là bản sao 02 sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ của ngày 11,12/10/2023; bản sao các tin nhắn zalo với nội dung thanh toán tiền lãi hàng tháng giữa các bên. Theo nguyên đơn trình bày thì từ tháng 08/2023 đến nay thì phía bị đơn chưa trả cho nguyên đơn tiền lãi và tiền gốc.

Quá trình tố tụng, Toà án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hx lên toà làm việc nhưng ông H và bà Hx không chấp hành. Toà án đã cho đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H và bà Hx vẫn không có mặt làm việc. Do đó chỉ căn cứ vào các chứng cứ như trên để xem xét giải quyết vụ án.

Từ những chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của nguyên đơn và lời khai của người làm chứng cho thấy ông Đ có chuyển số tiền 7.600.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mạnh H (Hình thức: Chuyển khoản. Vì vậy có đủ căn cứ xác định ông Đ và ông H, bà Hx có quan hệ vay tiền thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Trần Văn Đ về đòi số tiền nợ gốc 7.500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo lời khai của nguyên đơn cung cấp thì ông Đ và ông H, bà Hx thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Các bản ảnh giao dịch thể hiện phía bị đơn đã thanh toán tiền lãi các tháng 8, 9, 11,12/2022 và tháng 4-8/2023. Phía nguyên đơn khai nhận mặc dù thoả thuận lãi suất 3% nhưng từ trước đến nay phía bị đơn mỗi tháng chưa bao giờ trả đủ 3%. Phía bị đơn không lên làm việc, không có lời

khai nên việc nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả tiền lãi ngày 01/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,67%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hx phải trả cho ông Đ tổng số tiền nợ là 8.126.250.000đ, việc vay và trả lãi có bà Nguyễn Thị Hs làm chứng nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Đ là nguyên đơn, ông H, bà Hx là bị đơn. Căn cứ Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị Hs là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hs cư trú tại thành phố Q, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 22/02/2024, người làm chứng bà Nguyễn Thị Hs có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà Hx và bà Hs.

[4] Về nội dung: Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông H, bà Hx có trách nhiệm phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 7.500.000.000đ và số tiền nợ lãi tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 08/3/2024 là 626.250.000đ.

[4.1] Theo ông Đ khai do là chỗ quên biết, bạn bè chơi thân với nhau và thường xuyên cho nhau vay tiền, không làm giấy vay nhưng các bên vẫn trả lại tiền đầy đủ và đúng hạn nên ông Đ đã tin tưởng cho ông H, bà Hx vay tiếp tổng số tiền 7.600.000.000đ. Thời hạn trả nợ là đến tháng 10/2023, lãi suất là 3%/tháng mà không làm giấy tờ về việc vay mượn này. Cụ thể, ông Đ đã cho ông H, bà Hx vay ngày 15/07/2022 số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng); Ngày 27/07/2022 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Ngày 17/08/2022 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Tháng 4/2023, ông H cần gấp vốn làm ăn nên nhờ ông Đ vay Ngân hàng 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), ông Đ đã vay mượn bạn bè, người thân để đưa số tiền này cho bị đơn vay. Sau đó ông Đ làm thủ tục vay Ngân hàng, do thời điểm này việc vay vốn Ngân hàng khó khăn nên ông Đ ghi mục đích vay là kinh doanh, thanh toán tiền mua hàng. Ngày 21/5/2023, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông H với nội dung thanh toán tiền hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H, bà Hx đã trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và số tiền lãi suất là 1.550.000.000đ.

[4.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và lời khai của mình là có căn cứ ông Đặng đã cung cấp toàn bộ nội dung tin nhắn zalo giữa ông Đ và ông H thể hiện việc ông Đ yêu cầu ông H, bà Hx trả tiền vay, việc ông H, bà Hx có khất lại

tiền vay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và toàn bộ tin nhắn zalo giữa bà Nguyễn Thị Hs và ông H, bà Hx thể hiện việc ông H, bà Hx có trả tiền lãi đối với số tiền đã vay cho ông Đ thông qua số tài khoản của bà Nguyễn Thị Hs.

[4.3] Theo bà Nguyễn Thị Hs khai bà là vợ của ông Trần Văn Đ, bà biết rõ việc vay tiền giữa ông Đ và ông H, bà Hx vì là chỗ bạn bè thân thiết với nhau một thời gian dài, cũng theo bà Hs trình bày từ trước đó ông Đ cũng đã cho ông H, bà Hx vay nhiều lần tiền nhưng đều trả đầy đủ và đúng hạn nên lần này ông Đ đã tin tưởng cho ông H, bà Hx vay tiếp tổng số tiền 7.600.000.000đ. Thời điểm cho vay ông Đ không có tiền nên đã đi vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội để cho ông H, bà Hx vay lại. Ông Đ đã chuyển khoản toàn bộ số tiền 7.600.000.000đ cho ông H, bà Hx và hàng tháng ông H, bà Hx có chuyển trả tiền lãi cho ông Đ vào số tài khoản của bà tổng cộng 09 lần cụ thể lúc 09 giờ 44 phút, ngày 24/8/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 09 giờ 44 phút ngày 22/9/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 09 giờ 58 phút, ngày 21/11/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 12 giờ 19 phút, ngày 20/12/2022 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 18 giờ 42 phút, ngày 21/4/2023 số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng);Lúc 17 giờ 06 phút, ngày 21/5/2023 số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng); Lúc 09 giờ 14 phút, ngày 22/6/2023 số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Lúc 17 giờ 33 phút, ngày 20/7/2023 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lúc 14 giờ 02 phút, ngày 21/8/2022 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền là 1.550.000.000đ. Tất cả các lần chuyển khoản này ông H, bà Hx đều chụp lại biên lai giao dịch chuyển tiền và gửi vào zalo đăng ký tên bà. Đồng thời, ông H và bà Hx còn ghi rõ nội dung là chuyển tiền lãi cho ông Đ. Ngoài ra, bà không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ ông H, bà Hx.

[4.4] Xét lời khai của ông Đ, bà Hs và các chứng cứ mà ông Đ, bà Hs cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù việc ông Đ cho ông H, bà Hx vay số tiền 7.600.000.000đ không có giấy tờ. Tuy nhiên, ông Đ đã cung cấp toàn bộ nội dung tin nhắn bằng hình thức zalo giữa ông Đ và ông H thể hiện việc ông Đ yêu cầu ông H, bà Hx trả tiền vay và toàn bộ tin nhắn zalo giữa bà Nguyễn Thị Hs và ông H, bà Hx thể hiện việc ông H, bà Hx có trả tiền lãi đối với số tiền đã vay cho ông Đ thông qua số tài khoản của bà Nguyễn Thị Hs, chứng cứ này hoàn toàn phù hợp với chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được từ Công ty cổ phần VNG ngày 11/01/2024 xác định số tài khoản zalo nhắn tin trao đổi qua lại đúng là của ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Hs, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx (Bút lục 93). Việc ông Đ khai tại thời điểm cho ông H, bà Hx vay tiền ông không có tiền nên phải vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai để cho ông H, bà Hx vay lại cũng phù hợp với chứng cứ là 02 sổ phụ chi tiết báo nợ/báo có ngày 12/10/2023 và ngày 11/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai (Bút lục 04, 05) cung cấp. Đối với lời khai của bà Nguyễn Thị Hs cho rằng ông H, bà Hx có trả tiền lãi suất cho ông Đ thông qua số tài khoản của bà được đăng ký tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương Tín chi nhánh Đồng Nai, bà Hs cung cấp toàn bộ nội dung tin nhắn chuyển khoản tiền lãi giữa bà và ông H, bà Hx, chứng cứ này cũng hoãn toàn phù hợp với chứng cứ do Tòa án thu thập được là sổ phụ tài khoản tiền

gửi không kỳ hạn ngày 24/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn-Thương Tín chi nhánh Đồng Nai, thể hiện đúng số tiền lãi suất cũng như thể hiện rõ nội dung mà ông H, bà Hx ghi là trả tiền lãi hàng tháng cho ông Đ như ông Đ, bà Hs trình bày.

[4.5] Đối với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx, sau khi vay tiền và đến hạn trả nợ cho ông Đ nhưng không trả được nợ thì đã cắt đứt mọi liên lạc với ông Đ. Mặc dù, ông Đ, bà Hs đã nhiều lần đến nhà, gọi điện thoại và dùng mọi biện pháp khác để liên lạc yêu cầu ông H, bà Hx trả nợ nhưng ko gặp được là cho thấy ông H, bà Hx cố ý trốn tránh, che dấu địa chỉ gây khó khăn cho việc đòi nợ của ông Đ là có căn cứ. Bởi theo biên bản xác minh tại công an phường Phước Tân thì ông H, bà Hx có đăng ký thường trú tại tổ 11, khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai nhưng hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương. Nhận thấy, việc tống đạt trực tiếp hay thực hiện thủ tục niêm yết các thủ tục tố tụng cho ông H, bà Hx không đảm bảo nên Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông H, bà Hx theo đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H, bà Hx không đến Tòa để làm việc, cung cấp chứng cứ, hòa giải và đối chất cũng như vắng mặt không lý do tại các phiên xét xử là cho thấy ông H, bà Hx không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, bỏ mặc Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các bên đây được coi là trường hợp ông H, bà Hx mặc nhiên thừa nhận nợ.

[4.6] Đối với số tiền lãi: Theo lời khai của nguyên đơn thì các bên thoả thuận lãi suất vay là 3%/tháng. Tuy nhiên, ông Đ khai mặc dù các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng nhưng chưa tháng nào ông H, bà Hx trả đủ tiền lãi suất. Mặt khác, theo các chứng cứ mà Tòa án thu thập được là sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ngày 24/10/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Thương Tín chi nhánh Đồng Nai thể hiện số tiền lãi mỗi tháng mà bị đơn đã trả cho ông Đ ít hơn mức lãi suất 3% nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để điều chỉnh lại mức lãi suất vượt quá quy định. Như vậy, việc ông Đ yêu cầu ông H, bà Hx trả tiền lãi kể từ ngày 01/10/2023 đến ngày 08/3/2024 là 7.500.000.000đ x 5 tháng x 1,67% = 626.250.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4.7] Từ những phân tích và nhận định về các lời khai, chứng cứ trên cho thấy việc ông H, bà Hx vay số tiền 7.600.000.000đ của ông Đ là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ về việc buộc ông H, bà Hx phải trả cho ông Đ tổng số tiền là 8.126.250.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 7.500.000.000đ, tiền nợ lãi là 626.250.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn Đ đã nộp số tiền 10.000.000đ để thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự đối với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx vì vậy ông H, bà Hx phải có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền này.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.126.250đ. Ông Trần Văn Đ được nhận lại số tiền 58.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009277 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, 228, 229 Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 119; 463; 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ đối với ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hx phải trả cho ông Trần Văn Đ tổng số tiền còn nợ là 8.126.250.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 7.500.000.000đ, tiền nợ lãi là 626.250.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx phải trả cho ông Trần Văn Đ số tiền 10.000.000đ chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng.

Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hx phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.126.250đ. Ông Trần Văn Đ được nhận lại số tiền 58.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009277 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Đào